

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2019
V/v tranh chấp “Hôn nhân gia
đình - Ly hôn và nuôi con khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp “*Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Ông Ngô Văn Kh, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ 15, ấp Bình Ph 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Ch, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 5, ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Bà Ch vắng mặt, ông Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn ông Ngô Văn Kh trình bày: Sau khi tìm hiểu ông và bà Ch tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1996, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và cùng đi làm công nhân tại Bình Dương, về sau thì phát

sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Kh ra thuê nhà trọ riêng sinh sống, ông bà ly thân từ tháng 12/2017. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn, yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Ch.

Về con chung: tên Trương Thanh Ph, sinh này 29/3/1997 đã trưởng thành, tự lập được, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và Trương Thị Ng, sinh ngày 14/01/2002, đang sống với bà Ch, ông Kh đồng ý bà Ch được tiếp tục nuôi cháu Ng, ông Kh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn ý kiến nào khác

- Bị đơn bà Trương Thị Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên bà Ch vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của ông Kh, bà Ch được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, nhưng không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, nên theo Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông bà không được thừa nhận và bảo vệ. Ngoài ra, quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 đến nay, thời gian ly thân không tạo điều kiện gặp gỡ hàn gắn tình cảm và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, không công nhận ông Kh, bà Ch là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: tên Trương Thanh Ph, sinh này 29/3/1997 đã trưởng thành, tự lập được, ông Kh không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết và Trương Thị Ng, sinh ngày 14/01/2002, đang sống với bà Ch, ông Kh đồng ý giao cháu Ng cho bà Ch được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Ng tính đến thời điểm xét xử trên 17 tuổi (17 năm 05 tháng), tuy không ghi nhận được ý kiến của cháu Ng và bà Ch, nhưng nhận thấy cháu Ng còn khoảng 07 tháng nữa là đủ 18 tuổi và hiện nay đang sống với bà Ch nên cần giao cháu Ng cho bà Ch tiếp tục

nuôi dưỡng. Ông Kh không đồng ý cấp dưỡng và cũng không ghi nhận được ý kiến bà Ch nhưng ông Kh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Ch, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị Ch là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bà Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông Kh, bà Ch chung sống với nhau như vợ chồng và có con chung nhưng đến nay vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi cư trú của ông bà để đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được công nhận là vợ chồng, nhưng ông Kh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: ông bà có hai con chung tên Trương Thanh Ph, sinh này 29/3/1997 đã trưởng thành, tự lập được, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và Trương Thị Ng, sinh ngày 14/01/2002. Xét, tính đến thời điểm xét xử thì cháu Ng đã trên 17 tuổi và từ khi ly thân đến nay cháu Ng do bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy không ghi nhận được ý kiến của bà Ch và cháu Ng nhưng ông Kh đồng ý để bà Ch tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, ông không cấp dưỡng cho con, căn cứ quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm

2014 cần giao cháu Ng cho bà Ch tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được, ông Kh không phải cấp dưỡng cho con; Bà Ch phải tạo điều kiện thuận lợi khi ông Kh đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở ông Kh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Kh, bà Ch phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Ông Ngô Văn Kh phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005513 ngày 26/02/2019 của Ch Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Bà Trương Thị Ch không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Điều 14, Điều 15, Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn Kh và bà Trương Thị Ch là vợ chồng.

Về con chung: Bà Trương Thị Ch được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Ng, sinh ngày 14/01/2002 đến thành niên hoặc tự lập được; ông Ngô Văn Kh không phải cấp dưỡng cho con.

Đối với con chung tên Trương Thanh Ph, sinh này 29/3/1997 đã thành niên, tự lập được, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét án giải quyết

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Kh, bà Ch phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn Kh phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005513 ngày 26/02/2019 của Ch Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Bà Trương Thị Ch không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Ch cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Lâm Bảo Ngọc